

**BỘ BUU CHÍNH,
VIỄN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2006/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Định mức đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông

BỘ TRƯỞNG BỘ BUU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 201/CP ngày 26/5/1981 của Hội đồng Chính phủ về quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông.

Điều 2. Định mức này làm cơ sở cho việc lập đơn giá, dự toán, thực hiện thẩm tra, thanh quyết toán các công việc đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông, Internet, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Trung Tá

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**ĐỊNH MỨC ĐO KIỂM
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VIỄN THÔNG**

**Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2006/QĐ-BBCVT ngày 06/9/2006
của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông**

09693019

LawSoul * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

MỤC LỤC

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

I. Phạm vi điều chỉnh

II. Quy định áp dụng

III. Nội dung định mức

PHẦN II. ĐỊNH MỨC ĐO KIỂM CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VIỄN THÔNG

01.00. Máy điện thoại di động.....

02.00. Thiết bị đầu cuối kết nối mạng điện thoại công cộng qua giao diện tương tự

03.00. Thiết bị điện thoại không dây.....

04.00. Thiết bị đầu cuối kết nối mạng ISDN sử dụng tốc độ truy nhập cơ sở.....

05.00. Thiết bị thu phát vô tuyến.....

06.00. Tổng đài PABX

07.00. Dây thuê bao.....

08.00. Cáp kim loại

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

Định mức đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông là định mức Kinh tế - Kỹ thuật quy định mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và máy đo để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông.

Định mức được xây dựng dựa trên một hệ thống quy trình, quy phạm đo kiểm về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được Bộ Bưu chính, Viễn thông ban hành và dựa trên thực tế công tác đo kiểm, trang thiết bị hiện có của các đơn vị đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông.

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Định mức này áp dụng cho việc đo kiểm chất lượng các sản phẩm viễn thông, bao gồm:

- Máy điện thoại di động
- Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng điện thoại công cộng qua giao diện tương tự
- Thiết bị điện thoại không dây
- Thiết bị đầu cuối kết nối mạng ISDN sử dụng tốc độ truy nhập cơ sở
- Thiết bị thu phát vô tuyến
- Tổng đài PABX
- Dây thuê bao
- Cáp kim loại

Mọi tổ chức, đơn vị thực hiện đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông phục vụ cho chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn được áp dụng định mức này.

II. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

Định mức này áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước, làm cơ sở để: lập đơn giá đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông; thẩm tra, xét duyệt và thanh quyết toán công tác đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông.

Định mức được xây dựng trên cơ sở phương pháp đo có khối lượng công việc tối thiểu được quy định trong các Tiêu chuẩn ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông. Trường hợp những loại công tác đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông có yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thực thi khác với những quy định trong định mức này thì lập định mức bổ sung, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Định mức này chưa bao gồm công di chuyển người, thiết bị (bằng ô tô, tàu hỏa, máy bay...) và các hao phí phát sinh khác trong quá trình đo kiểm.

III. NỘI DUNG ĐỊNH MỨC

1. Kết cấu

Định mức đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông gồm 08 mục:

- Mục 01.00 - Máy điện thoại di động.
- Mục 02.00 - Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng điện thoại công cộng qua giao diện tương tự.
- Mục 03.00 - Thiết bị điện thoại không dây.
- Mục 04.00 - Thiết bị đầu cuối kết nối mạng ISDN sử dụng tốc độ truy nhập cơ sở.
- Mục 05.00 - Thiết bị thu phát vô tuyến.
- Mục 06.00 - Tổng đài PABX.
- Mục 07.00 - Dây thuê bao.
- Mục 08.00 - Cáp kim loại.

2. Quy tắc mã hóa

Định mức đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông được mã hóa bằng 04 chữ số:

- Hai chữ số đầu: chỉ số thứ tự danh mục sản phẩm.
- Hai chữ số sau: chỉ số định mức tương ứng với từng nhóm kích cỡ hoặc dung lượng của sản phẩm.

3. Các thành phần hao phí

3.1. Mức hao phí vật liệu

Là mức quy định về sử dụng vật liệu cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông.

3.2. Mức hao phí lao động

Là số công lao động quy định để hoàn thành khối lượng công việc đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông.

3.3. Mức hao phí máy đo

Là mức quy định số ca máy đo trực tiếp phục vụ công tác đo kiểm chất lượng sản phẩm viễn thông.

**PHẦN II. ĐỊNH MỨC ĐO KIỂM CHẤT LƯỢNG
SẢN PHẨM VIỄN THÔNG**

01.00. MÁY ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

Định mức được xây dựng dựa trên các Tiêu chuẩn ngành TCN 68-221:2004: “Máy di động GSM (pha 2 và 2+)” và TCN 68-222:2004: “Máy di động CDMA”.

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận mẫu sản phẩm.
- Nghiên cứu các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm.
- Chuẩn bị các thiết bị đo và điều kiện môi trường cần thiết cho công tác đo kiểm.
- Cho các thiết bị hoạt động đạt độ ổn định cần thiết, lắp ghép hệ thống các thiết bị đo và sản phẩm cần đo.
- Kiểm tra chức năng điều khiển.
- Đo kiểm phần phát.
- Đo kiểm phần thu.
- Tính toán và đối chiếu kết quả đo với các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật.
- Tổng hợp số liệu, lập báo cáo, nhận xét, đánh giá chất lượng sản phẩm.
- Bàn giao sản phẩm.

Đơn vị tính: 1 máy điện thoại di động

Mã hiệu	Tên sản phẩm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
01.00	Máy điện thoại di động	Vật liệu		
		Giấy A4	ream	0,2
		Bút	cái	1,0
		Nhân công		
		Kỹ sư 4,0/9	công	4,5
		Kỹ sư 6,0/9	công	1,5
		Máy		
		Máy đo điện thoại di động	ca	3,5
		Máy tính xách tay chuyên dụng	ca	1,0
		Máy in chuyên dụng	ca	1,0
				01

02.00. THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI KẾT NỐI MẠNG ĐIỆN THOẠI CÔNG CỘNG QUA GIAO DIỆN TƯƠNG TỰ

Định mức được xây dựng dựa trên các Tiêu chuẩn ngành TCN 68-188:2000: “Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng điện thoại công cộng qua giao diện tương tự - Yêu cầu kỹ thuật chung”

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận mẫu sản phẩm.
- Nghiên cứu các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm.
- Chuẩn bị các thiết bị đo và điều kiện môi trường cần thiết cho công tác đo kiểm.
- Cho các thiết bị hoạt động đạt độ ổn định cần thiết, lắp ghép hệ thống các thiết bị đo và sản phẩm cần đo.
- Đo tín hiệu báo hiệu xung, báo hiệu đa tần, độ nhạy bộ nhận tín hiệu chuông...
- Đo kiểm các đặc tính điện (điện trở một chiều, trở kháng, đáp ứng xung, dòng một chiều, suy hao chuyên đổi dọc...)
- Tính toán và đối chiếu kết quả đo với các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật.
- Tổng hợp số liệu, lập báo cáo, nhận xét, đánh giá chất lượng sản phẩm.
- Bàn giao sản phẩm.

Đơn vị tính: 1 thiết bị đầu cuối kết nối mạng PSTN

Mã hiệu	Tên sản phẩm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
02.00	Thiết bị đầu cuối kết nối mạng PSTN qua giao diện tương tự	Vật liệu		
		Giấy A4	ream	0,15
		Bút	cái	1,0
		Nhân công		
		Kỹ sư 4,0/9	công	4,0
		Kỹ sư 6,0/9	công	1,0
		Máy		
		Máy đo thiết bị đầu cuối mạng PSTN	ca	1,0
		Máy tính xách tay chuyên dụng	ca	1,5
Máy in chuyên dụng	ca	1,0		
				01

09693019
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft *

03.00. THIẾT BỊ ĐIỆN THOẠI KHÔNG DÂY

Định mức được xây dựng dựa trên các Tiêu chuẩn ngành TCN 68-143:2003: “Thiết bị điện thoại không dây (loại kéo dài thuê bao) - Yêu cầu kỹ thuật” và TCN 68-188:2000: “Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng điện thoại công cộng qua giao diện tương tự - Yêu cầu kỹ thuật chung”.

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận mẫu sản phẩm.
- Nghiên cứu các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm.
- Chuẩn bị các thiết bị đo và điều kiện môi trường cần thiết cho công tác đo kiểm.
- Cho các thiết bị hoạt động đạt độ ổn định cần thiết, lắp ghép hệ thống các thiết bị đo và sản phẩm cần đo.
- Đo kiểm phân giao diện với mạng PSTN.
- Đo kiểm phân giao diện vô tuyến.
- Tính toán và đối chiếu kết quả đo với các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật.
- Tổng hợp số liệu, lập báo cáo, nhận xét, đánh giá chất lượng sản phẩm.
- Bàn giao sản phẩm.

Đơn vị tính: 1 thiết bị điện thoại không dây

Mã hiệu	Tên sản phẩm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
03.00	Thiết bị điện thoại không dây	Vật liệu		
		Giấy A4	ream	0,15
		Bút	cái	1,0
		Nhân công		
		Kỹ sư 4,0/9	công	3,8
		Kỹ sư 6,0/9	công	0,7
		Máy		
		Máy đo thiết bị đầu cuối mạng PSTN	ca	0,7
		Máy đo thiết bị đầu cuối vô tuyến	ca	0,65
		Máy tính xách tay chuyên dụng	ca	0,5
Máy in chuyên dụng	ca	0,5		

04.00. THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI KẾT NỐI MẠNG ISDN SỬ DỤNG TỐC ĐỘ TRUY NHẬP CƠ SỞ

Định mức được xây dựng dựa trên Tiêu chuẩn ngành TCN 68-189: 2000: “Thiết bị đầu cuối kết nối mạng ISDN sử dụng tốc độ truy nhập cơ sở BRA - Yêu cầu kỹ thuật chung”.

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận mẫu sản phẩm.
- Nghiên cứu các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm.
- Chuẩn bị các thiết bị đo và điều kiện môi trường cần thiết cho công tác đo kiểm.
- Cho các thiết bị hoạt động đạt độ ổn định cần thiết, lắp ghép hệ thống các thiết bị đo và sản phẩm cần đo.
- Kiểm tra đặc tính dịch vụ, chế độ hoạt động, chức năng...
- Đo thử tục báo hiệu, các đặc tính về điện.
- Tính toán và đối chiếu kết quả đo với các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật.
- Tổng hợp số liệu, lập báo cáo, nhận xét, đánh giá chất lượng sản phẩm.
- Bàn giao sản phẩm.

Đơn vị tính: 1 thiết bị đầu cuối kết nối mạng ISDN

Mã hiệu	Tên sản phẩm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
04.00	Thiết bị đầu cuối kết nối mạng ISDN sử dụng tốc độ truy nhập cơ sở	Vật liệu		
		Giấy A4	ream	0,15
		Bút	cái	1,0
		Nhân công		
		Kỹ sư 4,0/9	công	3,8
		Kỹ sư 6,0/9	công	0,7
		Máy		
		Máy đo thiết bị đầu cuối mạng ISDN	ca	1,0
		Máy tính xách tay chuyên dụng	ca	1,5
		Máy in chuyên dụng	ca	1,0
				01

05.00. THIẾT BỊ THU PHÁT VÔ TUYẾN

Định mức được xây dựng dựa trên “Chỉ tiêu kỹ thuật áp dụng cho chứng nhận hợp chuẩn thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện” kèm theo Quyết định 478/2001/QĐ-TCBD của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện.

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận mẫu sản phẩm.
- Nghiên cứu các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm.
- Chuẩn bị các thiết bị đo và điều kiện môi trường cần thiết cho công tác đo kiểm.
- Cho các thiết bị hoạt động đạt độ ổn định cần thiết, lắp ghép hệ thống các thiết bị đo và sản phẩm cần đo.
- Đo kiểm phần thu.
- Đo kiểm phần phát.
- Đo kiểm phần điều chế.
- Tính toán và đối chiếu kết quả đo với các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật.
- Tổng hợp số liệu, lập báo cáo, nhận xét, đánh giá chất lượng sản phẩm.
- Bàn giao sản phẩm.

Đơn vị tính: 1 thiết bị thu phát vô tuyến

Mã hiệu	Tên sản phẩm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
05.00	Thiết bị thu phát vô tuyến	Vật liệu		
		Giấy A4	ream	0,2
		Bút	cái	1,0
		Nhân công		
		Kỹ sư 4,0/9	công	5,3
		Kỹ sư 6,0/9	công	0,7
		Máy		
		Máy đo thiết bị đầu cuối vô tuyến	ca	3,0
		Máy tính xách tay chuyên dụng	ca	1,0
Máy in chuyên dụng	ca	1,0		
				01

06.00. TỔNG ĐÀI PABX

Định mức được xây dựng dựa trên các Tiêu chuẩn ngành TCN 68-136:1995: “Tổng đài điện tử PABX - Yêu cầu kỹ thuật” và TCN 68-188:2000: “Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng điện thoại công cộng qua giao diện tương tự - Yêu cầu kỹ thuật chung”.

Thành phần công việc:

- Tiếp nhận mẫu sản phẩm.
- Nghiên cứu các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm.
- Chuẩn bị các thiết bị đo và điều kiện môi trường cần thiết cho công tác đo kiểm.
- Cho các thiết bị hoạt động đạt độ ổn định cần thiết, lắp ghép hệ thống các thiết bị đo và sản phẩm cần đo.
- Kiểm tra chức năng tổng đài.
- Đo kiểm các chỉ tiêu truyền dẫn.
- Đo kiểm phần giao diện với mạng PSTN.
- Tính toán và đối chiếu kết quả đo với các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật.
- Tổng hợp số liệu, lập báo cáo, nhận xét, đánh giá chất lượng sản phẩm.
- Bàn giao sản phẩm.

Đơn vị tính: 1 tổng đài PABX

Mã hiệu	Tên sản phẩm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số trung kê ra				
				< 32	≥ 32	≥ 300	≥ 600	≥ 1000
06.00	Tổng đài PABX	Vật liệu						
		Giấy A4	ream	0,15	0,25	0,5	1,0	1,5
		Bút	cái	1,0	2,0	2,0	3,0	4,0
		Nhân công						
		Kỹ sư 4,0/9	công	3,5	6,5	10,0	15,0	21,5
		Kỹ sư 6,0/9	công	1,0	2,0	2,5	3,0	3,5
Máy								
Máy đo thiết bị đầu cuối mạng PSTN	ca	1,0	1,5	4,0	7,0	10,5		